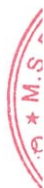


# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-31

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	
Ông Vũ Huy Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Phạm Đức Nghĩa	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Mã Ngọc Kỳ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/02/2022
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên	
Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Vũ Anh Tuấn**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 15 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 07 - "Hàng tồn kho" phần thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, theo đó các chi phí của Ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang được Công ty theo dõi ở chỉ tiêu Hàng tồn kho với số tiền 7,085 tỷ đồng theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước tại Biên bản kiểm toán ngày 28 tháng 05 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển** ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>378.488.794.522</b>	<b>386.981.642.135</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	52.749.190.655	87.271.432.992
111	1. Tiền		11.749.190.655	5.271.432.992
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.000.000.000	82.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	91.220.000.000	5.170.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		91.220.000.000	5.170.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		222.064.009.865	284.849.013.556
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	186.841.126.752	282.715.432.752
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		110.010.000	24.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	35.112.873.113	2.109.580.804
140	IV. Hàng tồn kho	7	12.455.594.002	9.691.195.587
141	1. Hàng tồn kho		12.455.594.002	9.691.195.587
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>40.382.260.597</b>	<b>43.678.574.313</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.860.000	37.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	37.860.000	37.860.000
220	II. Tài sản cố định		12.212.828.832	12.829.870.173
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	12.200.583.696	12.793.395.339
222	- Nguyên giá		86.845.659.322	84.983.228.074
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(74.645.075.626)	(72.189.832.735)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	12.245.136	36.474.834
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.275.910.154)	(2.251.680.456)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.098.181.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.098.181.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.091.571.765	23.672.662.322
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	23.091.571.765	23.672.662.322
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>418.871.055.119</b>	<b>430.660.216.448</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>242.310.678.176</b>	<b>243.072.724.482</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>242.310.678.176</b>	<b>243.072.724.482</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	176.091.424.586	179.357.987.212
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	11.159.277.898	3.933.259.488
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.840.655.584	7.430.962.332
314	4. Phải trả người lao động		28.615.551.181	32.820.313.412
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	4.270.184.000	1.845.835.225
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		36.818.182	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	18.290.368.012	15.589.258.499
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.006.398.733	2.095.108.314
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>176.560.376.943</b>	<b>187.587.491.966</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>176.560.376.943</b>	<b>187.587.491.966</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.873.382.367	16.900.497.390
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		142.908.378	72.552.331
421b	LNST chưa phân phối năm nay		5.730.473.989	16.827.945.059
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>418.871.055.119</b>	<b>430.660.216.448</b>

*gms*

*[Signature]*



**Hoàng Thị Hồng Trang**  
Người lập

**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng

**Vũ Anh Tuấn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	94.001.139.080	98.579.435.754
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.001.139.080	98.579.435.754
11	4. Giá vốn hàng bán	19	71.599.412.021	74.200.360.863
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.401.727.059	24.379.074.891
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.221.283.219	471.858.570
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	17.697.235.925	16.794.943.997
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.925.774.353	8.055.989.464
31	11. Thu nhập khác	22	334.419.459	-
32	12. Chi phí khác		42.077.721	21.220.507
40	13. Lợi nhuận khác		292.341.738	(21.220.507)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.218.116.091	8.034.768.957
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.487.642.102	1.632.518.293
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.730.473.989	6.402.250.664
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	306	341



Hoàng Thị Hồng Trang  
Người lập



Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.218.116.091	8.034.768.957
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.167.233.159	3.665.368.439
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.234.260.923)	(471.858.570)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.151.088.327	11.228.278.826
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		63.301.371.225	80.409.287.173
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.764.398.415)	(96.744.471)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.807.121.039)	(71.413.219.206)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		581.090.557	792.031.957
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.841.457.488)	(3.788.789.824)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.346.298.593)	(3.212.150.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		50.274.274.574	13.918.694.455
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(452.010.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		12.977.704	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.050.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.704.915.685	568.142.927
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(84.784.116.611)	568.142.927
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.400.300)	(2.626.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.400.300)	(2.626.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(34.522.242.337)	14.484.210.882
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		87.271.432.992	49.727.074.029
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	52.749.190.655	64.211.284.911

*gmrh*

*[Signature]*



*[Signature]*

Hoàng Thị Hồng Trang  
Người lập

Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 150.000.000.000 đồng; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 477 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 483 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan.
- Kinh doanh vật tư máy móc;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Đại lý kinh doanh viễn thông;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

## Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 06 tháng đầu năm 2022, Công ty nhận được khoản thanh toán và tạm ứng của các nhà máy điện dẫn đến số dư công nợ phải thu khách hàng giảm xuống, đồng thời các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tăng đáng kể so với đầu năm

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.



**2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng hợp đồng chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	05-07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

**2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.



**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hoạt động sửa chữa bảo dưỡng, chi phí quản lý... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

## **2.16 . Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	257.036.271	490.304.395
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.492.154.384	4.781.128.597
Các khoản tương đương tiền	41.000.000.000	82.000.000.000
	<u><u>52.749.190.655</u></u>	<u><u>87.271.432.992</u></u>

Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền có giá trị 41.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 4%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	91.220.000.000	-	5.170.000.000	-
	<b>91.220.000.000</b>	-	<b>5.170.000.000</b>	-

Tại ngày 30/06/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 91.220.000.000 đồng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,5%/năm đến 6%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 5.170.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam với lãi suất 3,5%/năm đang tạm ngừng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>5.040.000.000</b>	-	<b>5.040.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn Thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	<b>5.040.000.000</b>	-	<b>5.040.000.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do không có giá giao dịch trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng không có hướng dẫn cụ thể trong trường hợp này.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn Thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông & Tự động hóa, năng lượng sạch

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đang lên phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ số cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);
- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 đồng/cổ phần.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện được việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	178.372.120.577	-	184.418.523.597	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	-	25.986.443.908	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	-	13.730.166.711	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	-	22.073.464.748	-
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tổng Công ty điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	-	-	32.393.633.453	-
Công ty TNHH Siemens Energy	5.734.776.456	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	2.734.229.719	-	4.113.200.335	-
	<b><u>186.841.126.752</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>282.715.432.752</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch với số dư tại thời điểm 30/06/2022 là 178,3 tỷ đồng trong đó 172,2 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2022: 172,2 tỷ đồng tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 06 năm 2017 của Hợp đồng số 38/PVP - PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 08 năm 2010, về việc cung cấp vật tư MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo đó chủ đầu tư và Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải thu trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 11- Phải trả người bán ngắn hạn)

**b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<b><u>178.622.879.115</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>279.334.310.499</u></b>	<b><u>-</u></b>
--	-------------------------------	-----------------	-------------------------------	-----------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	302.400.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.072.938.219	-	254.170.685	-
Tạm ứng	2.929.117.013	-	1.286.286.191	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (*)	4.305.930.842	-	-	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (*)	11.527.728.206	-	-	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	3.713.376.926	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (*)	11.160.719.879	-	-	-
Phải thu khác	255.614.153	-	119.276.053	-
	<b>35.112.873.113</b>	<b>-</b>	<b>2.109.580.804</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Phải thu khác	37.860.000	-	37.860.000	-
	<b>37.860.000</b>	<b>-</b>	<b>37.860.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b>30.707.755.853</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản tạm ghi nhận doanh thu đối với các hợp đồng bảo dưỡng nhà máy điện mà công ty đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng trong kỳ căn cứ khối lượng công việc đã thực hiện và hợp đồng ký kết với các nhà máy điện. Các hợp đồng bảo dưỡng nhà máy điện này Công ty đã được người mua ứng trước một phần giá trị hợp đồng (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 13 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn)

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	147.092.800	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.308.501.202	-	9.691.195.587	-
- Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	7.085.595.424	-	7.085.595.424	-
- Các dự án khác	5.222.905.778	-	2.605.600.163	-
	<b>12.455.594.002</b>	<b>-</b>	<b>9.691.195.587</b>	<b>-</b>

(\*) Phần chi phí phát sinh của ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 đã được Công ty thực hiện điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước theo Biên bản Kiểm toán tại Công ty ngày 28 tháng 05 năm 2020. Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ quyết toán chi phí của ban chuẩn bị sản xuất dự án này khi tham gia đấu thầu dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 khi nhà máy này đi vào vận hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**8 · TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu năm	1.334.200.000	41.297.370.714	18.717.128.728	23.634.528.632	84.983.228.074				
- Mua trong kỳ	-	-	-	136.250.000	136.250.000				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	2.413.941.818	-	2.413.941.818				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(296.096.088)	-	(391.664.482)	(687.760.570)				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.334.200.000</b>	<b>41.001.274.626</b>	<b>21.131.070.546</b>	<b>23.379.114.150</b>	<b>86.845.659.322</b>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu năm	1.237.517.493	31.292.475.493	18.014.535.875	21.645.303.874	72.189.832.735				
- Khấu hao trong kỳ	30.901.194	1.550.709.852	874.419.834	686.972.581	3.143.003.461				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(296.096.088)	-	(391.664.482)	(687.760.570)				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.268.418.687</b>	<b>32.547.089.257</b>	<b>18.888.955.709</b>	<b>21.940.611.973</b>	<b>74.645.075.626</b>				
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày đầu năm	96.682.507	10.004.895.221	702.592.853	1.989.224.758	12.793.395.339				
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>65.781.313</b>	<b>8.454.185.369</b>	<b>2.242.114.837</b>	<b>1.438.502.177</b>	<b>12.200.583.696</b>				
<i>Trong đó:</i>									
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.519.775.045 đồng.									

**9 · TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2022 lần lượt là 2.288.155.290 đồng và 2.275.910.154 đồng. Khấu hao trong kỳ là 24.229.698 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.045.858.290 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	22.550.075.865	22.863.998.037
Chi phí trả trước dài hạn khác	541.495.900	808.664.285
	<b>23.091.571.765</b>	<b>23.672.662.322</b>

(\*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 đồng. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
General Electric	172.390.738.621	172.390.738.621	172.390.738.621	172.390.738.621
Global Parts and Products GMBH(*)				
Phải trả các đối tượng khác	3.700.685.965	3.700.685.965	6.967.248.591	6.967.248.591
	<b>176.091.424.586</b>	<b>176.091.424.586</b>	<b>179.357.987.212</b>	<b>179.357.987.212</b>

**b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
	<b>188.503.125</b>	<b>188.503.125</b>
	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)

(\*) Tại 30/06/2022, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH là 172,39 tỷ đồng tương đương với 6.651.432 EUR (tại 01/01/2022: 172,39 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải trả trên sẽ được quyết toán. General Electric Global Parts and Products GMBH đã chấp nhận chủ trương bàn giao vật tư buyback có liên quan, đồng thời phối hợp với Công ty thực hiện các thủ tục bàn giao, dự kiến tiếp nhận và chuyển giao toàn bộ thiết bị trong cuối năm 2022. (Xem thông tin tại Thuyết minh số 5).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.053.574.277	-	6.202.266.948	10.482.836.686	-	773.004.539	-	-	-	-	773.004.539
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.189.250.583	-	1.487.642.102	2.841.457.488	-	835.435.197	-	-	-	-	835.435.197
Thuế Thu nhập cá nhân	-	188.137.472	-	1.169.436.853	1.125.358.477	-	232.215.848	-	-	-	-	232.215.848
Các loại thuế khác	-	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	-	<b>7.430.962.332</b>	-	<b>8.864.345.903</b>	<b>14.454.652.651</b>	-	<b>1.840.655.584</b>	-	-	-	-	<b>1.840.655.584</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN****a) Người mua trả tiền theo đối tượng lớn**

- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (\*)
- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (\*)
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tổng Công ty điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP
- Sumec Complete Equipment and Engineering Co.,Ltd
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
	2.205.331.291	-
	3.052.713.210	-
	1.015.884.865	-
	897.883.584	-
	3.987.464.948	3.933.259.488
	<b>11.159.277.898</b>	<b>3.933.259.488</b>

(\*) Khoản người mua trả tiền trước liên quan tới các hợp đồng bảo dưỡng nhà máy điện (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 6 - Phải thu khác)

**b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

	<b>6.863.176.426</b>	<b>575.541.600</b>
--	----------------------	--------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	-	476.190.476
- Chi phí đào tạo tay nghề và cải tiến kỹ thuật	-	639.000.080
- Chi phí nghỉ mát	2.944.184.000	
- Chi phí đồng phục	1.326.000.000	
- Chi phí phải trả khác	-	730.644.669
	<b>4.270.184.000</b>	<b>1.845.835.225</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	259.245.022	282.512.638
- Bảo hiểm xã hội	503.861.747	359.828.551
- Bảo hiểm y tế	124.044.149	117.672.446
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.239.959	3.341.268
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.750.000	9.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.222.822.216	735.222.516
- Các khoản chi phí tại các chi nhánh chưa thanh toán	1.954.841.387	12.952.470.647
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.210.563.532	1.128.460.433
	<b>18.290.368.012</b>	<b>15.589.258.499</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>14.222.822.216</b>	<b>735.222.516</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>20.686.994.576</b>		<b>20.696.227.047</b>		<b>191.383.221.623</b>
Lãi trong kỳ trước	-		-		6.402.250.664		6.402.250.664
Phân phối lợi nhuận	-		-		(20.623.674.716)		(20.623.674.716)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>20.686.994.576</b>		<b>6.474.802.995</b>		<b>177.161.797.571</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>20.686.994.576</b>		<b>16.900.497.390</b>		<b>187.587.491.966</b>
Lãi trong kỳ này	-		-		5.730.473.989		5.730.473.989
Phân phối lợi nhuận	-		-		(16.757.589.012)		(16.757.589.012)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>20.686.994.576</b>		<b>5.873.382.367</b>		<b>176.560.376.943</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	(%)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.257.589.012	51,00%
Chi trả cổ tức (bằng 9% vốn điều lệ)	13.500.000.000	18,00%
		31,00%
		<b>100%</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)	
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	51,00%	76.500.000.000	51,00%	51,00%
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18,00%	18,00%
Các cổ đông khác	46.500.000.000	31,00%	46.500.000.000	31,00%	31,00%
	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>735.222.516</i>	<i>517.736.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>16.500.000.000</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	13.500.000.000	16.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(12.400.300)</i>	<i>(2.626.500)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	<i>(12.400.300)</i>	<i>(2.626.500)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>14.222.822.216</i>	<i>17.015.109.855</i>
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<b>20.686.994.576</b>	<b>20.686.994.576</b>
<b>17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>a) Tài sản thuê ngoài</b>		
<p>Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.</p>		
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>		
	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	993,70	1.026,64

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

<b>18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	94.001.139.080	98.579.435.754
	<b>94.001.139.080</b>	<b>98.579.435.754</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>74.374.735.028</b>	<b>89.091.572.848</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)</i>		
<b>19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.599.412.021	74.200.360.863
	<b>71.599.412.021</b>	<b>74.200.360.863</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b>		
Tổng giá trị mua vào:	<b>616.272.421</b>	<b>99.156.848</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)</i>		
<b>20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.221.283.219	471.858.570
	<b>2.221.283.219</b>	<b>471.858.570</b>
<b>21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	869.017.340	771.451.269
Chi phí nhân công	12.159.871.438	11.266.200.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	429.865.304	487.553.403
Thuế, phí, lệ phí	65.056.664	44.212.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.480.781.126	2.797.239.909
Chi phí khác bằng tiền	1.692.644.053	1.428.285.811
	<b>17.697.235.925</b>	<b>16.794.943.997</b>
<b>22 . THU NHẬP KHÁC</b>	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	12.977.704	-
Thu nhập khác	321.441.755	-
	<b>334.419.459</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.218.116.091	8.034.768.957
Các khoản điều chỉnh tăng	165.014.421	127.822.507
- Chi phí không hợp lệ	165.014.421	127.822.507
Các khoản điều chỉnh giảm	(633.861.916)	-
- Điều chỉnh giảm chi phí trích trước năm 2021	(633.861.916)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.749.268.596	8.162.591.464
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN	<u>1.349.853.719</u>	<u>1.632.518.293</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	137.788.383	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>1.487.642.102</u></b>	<b><u>1.632.518.293</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.189.250.583	3.000.774.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.841.457.488)	(3.788.789.824)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>835.435.197</u></b>	<b><u>844.503.060</u></b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.730.473.989	6.402.250.664
Các khoản điều chỉnh:	(1.146.094.798)	(1.280.450.133)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	(1.146.094.798)	(1.280.450.133)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.584.379.191	5.121.800.531
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>306</u></b>	<b><u>341</u></b>

(\*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết về việc phân phối lợi nhuận năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 28 tháng 04 năm 2022.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.005.713.407	4.294.019.345
Chi phí nhân công	64.339.898.631	58.350.546.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.167.233.159	3.665.368.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.630.936.558	6.893.091.929
Chi phí khác bằng tiền	14.770.171.806	17.821.406.167
	<b>91.913.953.561</b>	<b>91.024.432.231</b>

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (trực thuộc PVN)	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>74.374.735.028</b>	<b>89.091.572.848</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	24.028.901.434	32.982.555.282
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	8.331.382.567	10.291.540.993
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	21.347.644.826	22.250.395.440
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	20.666.806.201	20.567.076.327
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink	-	3.000.004.806
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>616.272.421</b>	<b>99.156.848</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	543.615.624	42.250.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	72.656.797	56.906.848
<b>Trả cổ tức cho cổ đông</b>	<b>12.400.300</b>	<b>2.626.500</b>
Các cổ đông của Công ty	12.400.300	2.626.500



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>178.622.879.115</b>	<b>279.334.310.499</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	178.372.120.577	184.418.523.597
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	25.986.443.908
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	13.730.166.711
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	22.073.464.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	31.515.400	31.515.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	184.240.684	700.562.682
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (trực thuộc PVPower)	-	32.393.633.453
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	35.002.454	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>30.707.755.853</b>	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	4.305.930.842	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	11.527.728.206	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	3.713.376.926	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.160.719.879	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>188.503.125</b>	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	188.503.125	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>6.863.176.426</b>	<b>575.541.600</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	2.205.331.291	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (trực thuộc PVPower)	1.015.884.865	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	294.932.060	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	281.226.600
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	3.052.713.210	-
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>14.222.822.216</b>	<b>735.222.516</b>
Các cổ đông của Công ty	14.222.822.216	735.222.516

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>		
Bùi Duy Nhị	331.612.629	548.437.758
Vũ Huy Quang	12.000.000	18.000.000
Phạm Đức Nghĩa	12.000.000	18.000.000
Vũ Anh Tuấn	(*)	(*)
Mã Ngọc Kỳ	12.000.000	18.000.000
Phan Ngọc Anh	10.000.000	
Hoàng Hà Quỳnh Giao	10.000.000	
Vũ Huy An	10.000.000	

(\*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
Vũ Anh Tuấn	331.612.629	548.437.758
Phan Xuân Thắng	244.792.339	116.166.727
Vũ Quang Dũng	80.977.166	419.065.213
Phùng Văn Đức	257.640.667	419.065.213
Lê Văn Tu	4.052.345	
	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		
Phạm Hùng Anh	226.139.970	357.847.563
Nguyễn Quang Đông	14.000.000	12.000.000
Lữ Văn Thụ	8.000.000	12.000.000
Nghiêm Thị Phượng	6.000.000	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán và soát xét.



**Hoàng Thị Hồng Trang**  
Người lập



**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng



**Vũ Anh Tuấn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022